

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM ĐẢO
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 9 - 2019

V/v tranh chấp chia tài sản chung
của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Bích Ngọc và ông Lê Mạnh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Bằng Văn Kh, sinh năm 1930; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn D, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Cụ Lục Thị V, sinh năm 1932; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Văn Ph, sinh năm 1960, vắng mặt.
2. Anh Chu Văn Nh, sinh năm 1979, vắng mặt.
3. Anh Chu Văn D, sinh năm 1980, vắng mặt.
4. Anh Chu Văn B, sinh năm 1982, vắng mặt.
5. Ông Bằng Văn Th, sinh năm 1950, vắng mặt.
6. Ông Bằng Văn M, sinh năm 1963, vắng mặt.
7. Ông Bằng Văn N, sinh năm 1966, vắng mặt.
8. Bà Bằng Thị S, sinh năm 1969, vắng mặt.

9. Bà Bằng Thị G (D), sinh năm 1976, có mặt.

10. Anh Bằng Văn Ch, sinh năm 1988, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

11. Bà Bằng Thị C, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn Ph, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

12. Bà Bằng Thị M, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn G, xã Kh, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn cụ Bằng Văn Kh, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ Kh trình bày:

Cụ Bằng Văn Kh với cụ Quản Thị L kết hôn nhau và có 01 con chung là ông Bằng Văn Th, hai cụ chung sống được vài năm thì cụ L chết, cụ Kh và cụ L không có tài sản chung.

Khoảng năm 1950 cụ Kh chung sống với cụ Lục Thị V, cụ Kh và cụ V có 11 con chung, trong đó 04 con chung chết khi còn nhỏ, 07 con chung còn lại, gồm: Bà Bằng Thị H (đã chết, có chồng là ông Chu Văn Ph và 03 con là anh Chu Văn Nh, anh Chu Văn D và anh Chu Văn B), bà Bằng Thị C, ông Bằng Văn M, ông Bằng Văn N, bà Bằng Thị S, bà Bằng Thị G và bà Bằng Thị M.

Quá trình chung sống cụ Kh và cụ V có tạo lập được: 01 thửa đất, diện tích 816m² (trong đó 200m² đất thổ cư và 616m² đất vườn) tại tờ bản đồ 9, thửa 253 ở thôn X, xã Đ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 15/7/2000, đứng tên hộ ông Bằng Văn Kh, 05 gian nhà gỗ cấp bốn lợp ngói, 04 gian bếp xây gạch lợp ngói, 03 gian chuồng trại xây gạch lợp ngói. Toàn bộ khối tài sản trên do cụ Kh và cụ V tạo lập, không ai khác đóng góp công sức.

Năm 2008, cụ Kh và cụ V tặng cho anh Bằng Văn Ch (cháu nội) diện tích 115m² đất trong tổng số diện tích đất của hai cụ. Diện tích đất tặng cho anh Ch đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên Bằng Văn Ch, hiện cụ V cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Ch nên cụ Kh không giao nộp cho Tòa án được và cụ Kh không rõ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của anh Ch cụ thể thế nào.

Quá trình chung sống, cụ Kh và cụ V thường xuyên mâu thuẫn nên tháng 9/2017 cụ Kh đến ở với ông Bằng Văn N (con cụ Kh và cụ V). Cụ Kh đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung, mỗi người 1/2, cụ Kh đề nghị được sử dụng diện tích đất giáp diện tích đất của anh Ch, cụ V sử dụng phần diện tích đất có 05 gian nhà, 04 gian chuồng trại, 03 gian bếp.

Các quan hệ khác, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn cụ Lục Thị V trình bày:

Cụ V thừa nhận về quá trình chung sống, mối quan hệ gia đình, tài sản chung như cụ Kh trình bày là đúng. Cụ V xác định cụ và cụ Kh không tặng cho

anh Bằng Văn Ch đất như cụ Kh trình bày, cụ không cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai cụ cũng như của anh Ch.

Do bà Bằng Thị G không có chồng con, không có đất, nhà nên khoảng năm 2015 cụ và cụ Kh có tặng cho bà G 1 phần diện tích đất trong tổng số 816m² đất của hai cụ. Khi tặng cho không làm giấy tờ, không đề nghị cơ quan có thẩm quyền đến đo vẽ và chia cắt đất mà chỉ có các con, cháu cụ chứng kiến, trên diện tích đất tặng cho bà G có 04 gian bếp, 03 gian chuồng trại.

Cụ Kh yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cụ không đồng ý phân chia.

Các quan hệ khác, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày

Anh Bằng Văn Ch: Anh là cháu nội cụ Kh và cụ V, năm 2008 hai cụ tặng cho anh diện tích 115m² đất trong tổng số diện tích đất của hai cụ. Đất anh được tặng cho đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên anh là Bằng Văn Ch, hiện cụ V cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh không giao nộp cho Tòa án được, anh không rõ diện tích đất của anh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng cụ thể thế nào, anh chưa xây dựng công trình, tài sản gì trên diện tích đất được tặng cho. Cụ Kh đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Kh với cụ V, anh không có ý kiến gì. Đối với diện tích đất hai cụ đã tặng cho anh, anh đề nghị giữ nguyên, không phân chia.

Bà Bằng Thị G: Bà là con cụ Kh và cụ V, khoảng năm 2015 cụ Kh và cụ V tặng cho bà 1 phần diện tích đất trong tổng số diện tích đất của hai cụ. Khi tặng cho có làm giấy tờ nhưng không đề nghị cơ quan có thẩm quyền đến đo vẽ và chia cắt đất nên bà không biết diện tích đất bà được tặng cho bao nhiêu. Phần đất bà được tặng cho có một cạnh giáp đất ông Trương Văn Q, 01 cạnh giáp đất anh Bằng Văn Ng, 01 cạnh giáp đất cụ Kh và cụ V, 01 cạnh giáp đường đi, trên đất có 04 gian bếp, 03 gian chuồng trại.

Những người thừa kế của bà Bằng Thị H (ông Chu Đức Ph, anh Chu Văn D, anh Chu Văn Nh, anh Chu Văn B): Xác định không biết, không liên quan và không có ý kiến đề nghị gì.

Bà Bằng Thị C: Quá trình chung sống, cụ Kh và cụ V tạo lập được 01 thửa đất tại X, xã Đ, bà không rõ diện tích đất cụ thể và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hay chưa, đứng tên ai. Trên thửa đất, cụ Kh và cụ V có xây dựng 05 gian nhà gỗ cấp 4 lợp ngói, 04 gian bếp xây gạch lợp ngói, 03 gian chuồng trại xây gạch lợp ngói. Khối tài sản trên do cụ Kh và cụ V tạo lập, không ai có công sức đóng góp gì. Bà không biết việc tặng cho bà Bằng Thị G cũng như anh Bằng Văn Ch. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của cụ Kh.

Bà Bằng Thị S và bà Bằng Thị M: Thống nhất quan điểm của cụ Lục Thị V và bà Bằng Thị G. Bà M, bà S đều xác định không đóng góp công sức gì trong khối tài sản chung của cụ Kh và cụ V.

Ông Bằng Văn M, ông Bằng Văn N, ông Bằng Văn Th: Thống nhất quan điểm của cụ Bằng Văn Kh và anh Bằng Văn Ch. Ông M, ông N xác định không

đóng góp công sức gì trong khối tài sản chung của cụ Kh và cụ V, ông Th xác định có đóng góp công sức cải tạo đất và làm 05 gian nhà gỗ nhưng các ông đều không có yêu cầu gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho cụ Kh và cụ V mỗi người sử dụng một phần diện tích đất và sở hữu, sử dụng đối với tài sản công trình cây cối lâm lộc trên diện tích được giao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Cụ Bằng Văn Kh và cụ Lục Thị V xác lập quan hệ vợ chồng từ khoảng năm 1950, cụ Kh có đơn yêu cầu chia tài sản chung của cụ và cụ V. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt: Người thừa kế của bà Bằng Thị H (ông Chu Văn Ph, anh Chu Văn Nh, anh Chu Văn D và anh Chu Văn B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bằng Văn Th, ông Bằng Văn M, ông Bằng Văn N, bà Bằng Thị S, bà Bằng Thị C. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án họ đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cụ Kh, cụ V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, xác định diện tích 816m² ở thôn X, xã Đ, 05 gian nhà gỗ cấp 4 lợp ngói, 04 gian bếp xây gạch lợp ngói và 03 gian chuồng trại xây gạch lợp ngói là tài sản chung của cụ Kh và cụ V, không ai đóng góp công sức gì. Riêng ông Bằng Văn Th xác định ông có đóng góp công sức cải tạo đất và làm 05 gian nhà gỗ nhưng ông Th từ chối quyền lợi và không có yêu cầu gì. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Diện tích 816m² ở thôn X, xã Đ, 05 gian nhà gỗ cấp 4 lợp ngói, 04 gian bếp xây gạch lợp ngói và 03 gian chuồng trại xây gạch lợp ngói là tài sản chung của cụ Kh và cụ V.

Cụ Kh và anh Ch xác định cụ Kh và cụ V có tặng cho anh Ch quyền sử dụng một phần diện tích đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên Bằng Văn Ch. Cụ V không thừa nhận việc tặng cho anh Ch quyền sử dụng đất nhưng cụ V cho rằng cụ và cụ Kh có tặng cho bà Bằng Thị G quyền sử dụng một phần diện tích đất nhưng chưa làm bất cứ thủ tục gì.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Các bên không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cụ Kh và cụ V tặng cho anh Ch, bà

G quyền sử dụng đất. Qua xác minh tại Phòng tài nguyên môi trường huyện T, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện T, thể hiện: Diện tích 816m² đất (200m² đất ở, 616m² đất vườn) tại thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, được cấp giấy chứng nhận ngày 15/7/2000 đứng tên hộ Bằng Văn Kh, thuộc tờ bản đồ 09, số thửa 523. Ngày 13/8/2008 cụ Kh và cụ V làm thủ tục tặng cho anh Bằng Văn Ch (cháu nội cụ Kh và cụ V) quyền sử dụng 200m² đất (100m² đất ở, 100m² đất vườn), ngày 27/8/2008 anh Ch được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, theo đó đất thuộc tờ bản đồ 09, thửa 523¹. Không có tài liệu chứng cứ xác định việc cụ Kh và cụ V tặng cho bà G quyền sử dụng đất, phía cụ V cũng xác định việc tặng cho bà G quyền sử dụng đất chưa làm thủ tục gì.

Vì vậy, cần xác định tài sản chung của cụ Kh và cụ V đem phân chia gồm: Diện tích 616m² ở thôn X, xã Đ, 05 gian nhà gỗ cấp 4 lợp ngói, 04 gian bếp xây gạch lợp ngói, 03 gian chuồng trại xây gạch lợp ngói.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần thành lập hội đồng để xem xét thẩm định, định giá tài sản nhưng phía cụ V không chấp hành, hội đồng phải tiến hành xem xét thẩm định bên ngoài, không xem xét được tài sản, công trình cũng như cây cối lâm lộc trên đất. Qua xem xét thẩm định thì hiện trạng diện tích đất của cụ Kh và cụ V là 943,5m², theo địa phương cung cấp việc diện tích đất tăng như vậy do kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chính xác hoặc do đo vẽ thủ công, không phải do lấn chiếm, được tặng cho hay nhận chuyển nhượng của ai khác, đất không có tranh chấp.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi của các bên cũng như giá trị tài sản công trình trên đất, cần chia cho cụ Bằng Văn Kh và cụ Lục Thị V mỗi người được quyền sử dụng một phần diện tích đất và quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản, công trình cũng như cây cối lâm lộc trên diện tích đất được phân chia.

[3]. Về chi phí thẩm định giá: Cụ Bằng Văn Kh tự nguyện nộp toàn bộ nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, cụ Bằng Văn Kh và cụ Lục Thị V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 38, Điều 39, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Bằng Văn Kh về việc tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Giao cho cụ Bằng Văn Kh quyền sử dụng 392,7m² đất (ký hiệu 18, 19, 20, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18) và sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản công trình cây

cối lâm lộc trên đất. Trong đó có: 308m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (50m² đất ở và 258m² đất vườn) và 84,7m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại tờ bản đồ 9, thửa 253 ở thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho cụ Lục Thị V quyền sử dụng 541,7m² đất (ký hiệu 12, 20, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12) và sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản công trình cây cối lâm lộc trên đất. Trong đó có: 308m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (50m² đất ở và 258m² đất vườn) và 233,7m² đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại tờ bản đồ 9, thửa 253 ở thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (Có sơ đồ kèm theo).

Cụ Bằng Văn Kh và cụ Lục Thị V không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

2. Về án phí: Cụ Bằng Văn Kh và cụ Lục Thị V được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu